

GỢI Ý ĐÁP ÁN ĐỀ ÔN TẬP SỐ 4 NĂM 2021

MÔN: TIẾNG ANH

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word whose bold and underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions.

**Question 1: Đáp án B**

Kiến thức: Phát âm “-u”

Giải thích:

custom /'kʌstəm/

cushion /'kʊʃn/

mushroom /'mʌʃrʊm/

culture /'kʌltʃə[r]/

Phần gạch chân câu B được phát âm là /ʊ/ còn lại là /ʌ/

**Question 2: Đáp án B**

Kiến thức: Phát âm “-es”

Giải thích:

Có ba quy tắc phát âm đuôi s/es

Quy tắc 1: Phát âm là /s/ khi tận cùng từ bằng -p, -k, -t, -f.

Quy tắc 2: Phát âm là /iz/ khi tận cùng từ bằng -s, -ss, -ch, -sh, -x, -z, -o, -ge, -ce.

Quy tắc 3: Phát âm là /z/ đối với những từ còn lại.

Phần gạch chân câu B được phát âm là /z/ còn lại là /iz/

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions.

**Question 3: Đáp án D**

Kiến thức: Trọng âm của từ có 3 âm tiết

Giải thích:

notify /'nəʊtɪfaɪ/

advocate /'ædvəkeɪt/

influence /'ɪnfluəns/

interfere /,ɪntə'fɪə[r]/

Câu D trọng âm rơi vào âm tiết thứ 3, còn lại là thứ nhất

**Question 4: Đáp án A**

Kiến thức: Trọng âm của từ có 2 âm tiết

Giải thích:

royal /'rɔɪəl/

unique /ju:'ni:k/

remote /ri'məʊt/

extreme /ɪk'stri:m/

Câu A trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất, còn lại là thứ 2

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

### Question 5: Đáp án B

Kiến thức: Quá khứ phân từ

Giải thích:

Ta dùng quá khứ phân từ để tạo mệnh đề quan hệ rút gọn đối với dạng bị động (dạng chủ động ta dùng hiện tại phân từ).

Trong câu này, “written” được hiểu là “which were written”

Tạm dịch: Mặc dù hình trụ bình thường, một số tài liệu viết trên lụa được tìm thấy tại Mawangdui, một địa điểm khảo cổ ở phía đông nam Trung Quốc, được xếp thành hình chữ nhật.

### Question 6: Đáp án A

Kiến thức: Từ vựng, từ loại

Giải thích:

punctuality (n): sự đúng giờ

punctual (a): đúng giờ

punctuate (v): đánh dấu chấm câu

punctually (adv): [một cách] đúng giờ

Vị trí này ta cần một danh từ, vì phía trước có sở hữu cách John’s và phía sau sau chữ “and” là một danh từ. Tạm dịch: Sự đúng giờ và hiệu suất của John tại công ty đã dẫn đến việc thăng chức của anh ấy lên Giám đốc bán hàng.

### Question 7: Đáp án B

Kiến thức: Cụm từ, từ vựng

Giải thích:

Ta có cụm “lend an ear to sb/sth”: lắng nghe một cách chân thành

Tạm dịch: Tôi chắc rằng chị bạn sẽ lắng nghe bạn một cách đồng cảm khi bạn giải thích tình huống với chị ấy.

### Question 8: Đáp án A

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

prolific (a): viết nhiều, ra nhiều tác phẩm

fruitful (a): sai quả, có kết quả, thành công

fertile (a): màu mỡ, phì nhiêu

successful (a): thành công

Tạm dịch: Ông Pike chắc chắn là một nhà văn viết nhiều; ông đã viết rất nhiều cuốn sách trong năm nay.

### Question 9: Đáp án C

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

absent-minded (a): đãng trí

big-headed (a): tự phụ

quick-witted (a): nhanh trí; thông minh

bad-tempered (a): dễ nổi nóng

Tạm dịch: Chúng tôi đã khá ấn tượng bởi những sinh viên nhanh trí đã đưa ra câu trả lời cho câu hỏi của chúng tôi gần như ngay lập tức.

### Question 10: Đáp án B

Kiến thức: Cụm từ, từ vựng

Giải thích:

Ta có cụm “rise to the occasion”: tỏ ra có khả năng đối phó với tình thế khó khăn bất ngờ

Tạm dịch: Anh họ tôi lo lắng về việc phỏng vấn trên TV, nhưng anh ấy đã ứng phó rất tốt.

### **Question 11: Đáp án B**

Kiến thức: Phrasal verb

Giải thích:

play at (v): làm cái gì một cách tình cờ, không thực sự thích thú

sort out (v): phân loại, sắp xếp

cut off (v): ngăn trở, chặn đứt

fill up (v): làm cho đầy

Tạm dịch: Daisy đã dành hai ngày cuối tuần để phân loại hàng trăm bức ảnh để cô có thể đặt chúng trong các album riêng biệt.

### **Question 12: Đáp án C**

Kiến thức: Thì trong tiếng anh

Giải thích: “would + have PP” trong câu này thể hiện một hành động sẽ đã có thể xảy ra trong quá khứ (nhưng thực tế là không xảy ra, “would + have PP” còn được dùng trong câu điều kiện loại 3 để diễn tả một hành động không có thật trong quá khứ)

Tạm dịch: Tôi không nhìn thấy đèn đỏ ở ngã tư. Nếu không, tôi hẳn đã dừng xe lại rồi.

### **Question 13: Đáp án B**

Kiến thức: Cấu trúc với “be used to”

Giải thích: “be used to” + V-ing: quen với việc làm gì

Các đáp án sai:

A. dùng cấu trúc “used to” (đã từng) ở đây là không phù hợp

C. dùng thì quá khứ hoàn thành ở đây là không đúng

D. dùng thì hiện tại hoàn thành tiếp diễn ở đây là không đúng

Tạm dịch: Tôi rất thích khi chúng ta đã quen với việc đến Wales mỗi kỳ nghỉ hè.

### **Question 14: Đáp án C**

Kiến thức: Cụm, từ vựng

Giải thích:

Ta có cấu trúc “leave sb doing sth”: để ai làm gì

Tạm dịch: Sự cố xảy ra vào tuần trước khiến cô cảm thấy bối rối và đau đớn.

### **Question 15: Đáp án B**

Kiến thức: Câu hỏi đuôi

Giải thích:

Câu hỏi đuôi này là của vế “but we haven't received a receipt yet”. Vế chính là phủ định nên câu hỏi đuôi là khẳng định

Tạm dịch: “Hôm qua chúng ta đưa cho họ tiền, nhưng chúng ta vẫn chưa nhận hoá đơn, đúng không?”  
cô ấy hỏi chồng.

**Question 16: Đáp án A**

Kiến thức: Modal verb

Giải thích:

shouldn't + have PP: không nên đã làm gì (nhưng thực tế là đã làm)

mightn't + have PP: sẽ không đã làm gì

mustn't + have PP: chắc hẳn đã không làm gì

couldn't + have PP: không thể đã làm gì

Tạm dịch: Bạn và cái miệng lảm nhảm! Nó là một bí mật. Bạn đã không nên nói cho cô ấy!

**Question 17: Đáp án B**

- Point /pɔɪnt/ (n): điểm, vấn đề
- Incentive /ɪn'sentɪv/ (n): sự khích lệ, sự khuyến khích
- Target /'tɑ:ɡɪt/ (n): mục tiêu, đích
- Resolution /,rezə'l'u:ʃən/ (n): quyết định, nghị quyết

Những lời động viên của Tim đã cho tôi sự khích lệ làm lại nhiệm vụ đó một lần nữa.

**Question 18: Đáp án D**

- To be proud of sb/sth: tự hào về ai/ cái gì
- g: She is proud of her son.

Bọn trẻ có lý do để tự hào về nỗ lực của chúng.

**Question 19: Đáp án D**

- Whose: thay thế cho tính từ sở hữu trong mệnh đề quan hệ (whose + N)
- Which: thay thế cho chủ ngữ/ tân ngữ chỉ vật trong mệnh đề quan hệ
- When: thay thế cho trạng ngữ chỉ thời gian trong mệnh đề quan hệ
- Whom: thay thế cho tân ngữ chỉ người trong mệnh đề quan hệ Trong câu này, “whom” thay thế cho “a famous person”; làm tân ngữ

Với tư cách là một người nổi tiếng được bọn trẻ ngưỡng mộ, rất quan trọng đối với cô ấy trong việc hành động có trách nhiệm.

**Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word(s) or phrase(s) CLOSEST in meaning to the bold and underlined word(s) or phrase(s) in each of the following questions.**

**Question 20: Đáp án D**

Kiến thức: Từ vựng, từ đồng nghĩa

Giải thích:

involve in (v): tham gia vào, liên quan tới

concern about (v): quan tâm, lo lắng về

enquire about (v): hỏi về

confine in (v): giới hạn trong

engage in (v): tham gia vào

=> involve in = engage in

Tạm dịch: Nhiều tổ chức đã tham gia vào việc soạn thảo báo cáo về các chiến dịch môi trường.

**Question 21: Đáp án B**

Kiến thức: Từ vựng, từ đồng nghĩa

Giải thích:

unacceptable (a): không thể chấp nhận

out of practice: vô lý, cách xa thực tế

out of line: hành xử một cách không thể chấp nhận được

out of the habit: mất thói quen làm gì

out of sight: xa mặt cách lòng

=> unacceptable = out of line

Tạm dịch: Hành vi của bạn gái anh ấy ở bữa tiệc không thể chấp nhận được, khiến mọi người đều bị sốc.

**Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word(s) or phrase(s) OPPOSITE in meaning to the bold and underlined word(s) or phrase(s) in each of the following questions.**

**Question 22: Đáp án D**

Kiến thức: Từ vựng, từ trái nghĩa

Giải thích:

knowingly (adv): chủ tâm, cố dụng ý

coincidentally (adv): [một cách] trùng hợp ngẫu nhiên

deliberately (adv): [một cách] cố ý, cố chủ tâm

instinctively (adv): theo bản năng

accidentally (adv): [một cách] tình cờ, bất ngờ, không cố ý

=> knowingly >< accidentally

Tạm dịch: Nếu bất kỳ nhân viên nào cố tình vi phạm các điều khoản của hợp đồng này, anh ta sẽ bị đuổi việc ngay lập tức.

**Question 23: Đáp án B**

Kiến thức: Từ vựng, từ trái nghĩa

Giải thích:

on the horns of a dilemma: tiến thoái lưỡng nan

unwilling to make a decision: không muốn đưa ra quyết định

able to make a choice: có thể lựa chọn

eager to make a plan: háo hức thực hiện một kế hoạch

unready to make up her mind: chưa sẵn sàng để quyết định

=> on the horns of a dilemma >< able to make a choice

Tạm dịch: Wendy đang trong thế tiến thoái lưỡng nan: cô tự hỏi nên đi dã ngoại với bạn bè hay ở nhà với gia đình.

**Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the most suitable response to complete each of the following exchanges.**

**Question 24: Đáp án A**

Kiến thức: Văn hoá giao tiếp

Giải thích:

Tạm dịch: Harry đang nói chuyện với Judy qua điện thoại.

Harry: "Cảm ơn bạn đã giúp tôi chuẩn bị cho bữa tiệc sinh nhật của tôi, Judy."

Judy: "\_\_\_\_\_."

A. Đó là niềm vinh hạnh của tôi

B. Điều đó thật tuyệt.

C. Dùng bao giờ đề cập đến tôi

D. Tất nhiên không rồi

**Question 25: Đáp án D**

Kiến thức: Văn hoá giao tiếp

Giải thích:

Tạm dịch: Tom và Josh đang thảo luận kế hoạch nghỉ hè của họ.

Tom: "\_\_\_\_\_."

Josh: "Tôi không nghĩ rằng đó là một ý tưởng hay bởi vì nó sẽ tốn kém và vất vả."

A. Có khôn ngoan không khi leo lên Mount Everest khi chúng ta ở Ấn Độ vào mùa hè này?

B. Nếu như chúng ta leo lên Mount Everest khi chúng ta ở Ấn Độ vào mùa hè này thì sao?

C. Tại sao chúng ta sẽ leo Mount Everest khi chúng ta ở Ấn Độ mùa hè này?

D. Tại sao chúng ta không leo lên Mount Everest khi chúng ta ở Ấn Độ vào mùa hè này?

**Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the underlined part that needs correction in each of the following questions**

**Question 26: Đáp án B**

Kiến thức: Phù hợp chủ ngữ và động từ

Giải thích:

has given => have given

Neither S1 nor S2 động từ được chia theo S2. Trong câu S2 là số nhiều (colleagues) nên ta dùng have

Tạm dịch: Cả Bộ trưởng và các đồng nghiệp của ông đều không đưa ra lời giải thích cho sự hỗn loạn trên thị trường tài chính vào tuần trước.

**Question 27: Đáp án C**

Kiến thức: Cấu trúc nhấn mạnh

Giải thích:

which => that

Cấu trúc nhấn mạnh: It + be + ... + that....

Tạm dịch: Với sự ngạc nhiên của mọi người, Bristol không phải nơi ông trở nên giàu có, mặc dù đó là nơi ông sinh ra.

**Question 28: Đáp án A**

Kiến thức: Modal verb

Giải thích:

might not => may not

may và might trong nhiều trường hợp có thể dùng thay đổi cho nhau. Nhưng chỉ về khả năng xảy ra, thì khả năng của might khá thấp, vì thế trong câu này ta nên dùng may để hợp lý hơn

Tạm dịch: Điều này có thể không quan trọng với bạn, nhưng một số người sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực bởi quyết định này.

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer that best fits the blank space in the following passage.

**Question 29: Đáp án A**

Kiến thức: Cụm từ, đọc hiểu

Giải thích:

Ta có cụm “access to sth”: tiếp cận, đến gần với

**Question 30: Đáp án D**

Kiến thức: Cụm từ, đọc hiểu

Giải thích:

in sight: trong tầm nhìn

in use: sử dụng, trong sử dụng

in line + with: phù hợp với

in turn: lần lượt

**Question 31: Đáp án B**

Kiến thức: Mệnh đề quan hệ, đọc hiểu

Giải thích:

Ở đây ta dùng mệnh đề quan hệ “that” để thay thế cho “areas” ở phía trước

Các đáp án còn lại đều không thể làm mệnh đề phù hợp trong trường hợp này

**Question 32: Đáp án B**

Kiến thức: Từ vựng, đọc hiểu

Giải thích:

For instance: ví dụ

Therefore: do đó

In practice: trong thực tế

Otherwise: mặt khác, nếu không

**Question 33: Đáp án C**

Kiến thức: Từ vựng, đọc hiểu

Giải thích:

knowledge (n): kiến thức

prejudice (n): thiên kiến; thành kiến

mindset (n): suy nghĩ, tư duy

judgement (n): sự đánh giá, ý kiến

**Dịch bài đọc:**

Giáo viên của thế kỷ 21 cần phải là người hướng dẫn hoặc cố vấn cho học sinh của mình, chứ không phải là những người hiền triết có thể cung cấp cho họ tất cả những gì họ cần. Ngày nay, với quá nhiều nguồn tài nguyên các loại, trẻ em luôn biết nhiều hơn giáo viên về các chủ đề khác nhau, đi trước công nghệ. Giáo viên cần được trao quyền làm người hướng dẫn cho việc học, để họ có thể lần lượt trao quyền cho học sinh của họ.

Sự thay đổi này là một tin tuyệt vời đối với giáo viên. Thay vì cố gắng cung cấp cho trẻ tất cả thông tin trong những lĩnh vực mà các em biết rất ít, giáo viên có thể hỗ trợ học sinh khi các em tự mình bước vào các lĩnh vực khác nhau. Đó là chuẩn bị cho họ vượt xa hơn thế hệ trước, đảm bảo họ có những kỹ năng để làm điều đó, và hỗ trợ họ trên đường đi.

Do đó, giáo viên cần phải có tư tưởng tiên bộ, ham hiểu biết và linh hoạt. Họ phải là người học: học các phương pháp giảng dạy mới, và học cùng với học sinh của họ. Đơn giản chỉ cần đặt câu hỏi như "Học sinh của tôi sẽ cần sau hàng chục năm từ bây giờ?" Hoặc "Làm cách nào tôi có thể cho chúng những kỹ năng đó?" có thể thay đổi tư duy của giáo viên, làm cho họ trở thành lãnh đạo và mang lại những thay đổi trong lớp học, trường học và cộng đồng.

**Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the questions**

**Question 34: Đáp án A**

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Từ "it" trong đoạn 2 đề cập đến

- A. ý tưởng của Franklin về tiết kiệm ánh sáng ban ngày
- B. sự nhận thức đầu tiên của Franklin
- C. nhiệm kỳ chính thức đầu tiên của Franklin
- D. phái đoàn của Franklin

"it" đề cập đến "the idea" trước đó: Benjamin Franklin first conceived the idea of daylight saving during his tenure as an American delegate in Paris in 1784 and wrote about it extensively in his essay, "An Economical Project."

**Question 35: Đáp án A**

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Từ "obligatory" ở đoạn 3 có ý nghĩa gần nhất với

- A. bắt buộc
- B. được chấp thuận
- C. thiếu hụt
- D. kỳ cục

"obligatory" = imperative

**Question 36: Đáp án C**

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Ai phản đối dự luật được đưa ra trong Hạ viện vào đầu những năm 1900?

- A. Sir Robert Pearce
- B. các công ty phát thanh và truyền hình
- C. nông dân
- D. Quốc hội Mỹ

Thông tin: A bill was drafted and introduced into Parliament several times but met with great opposition, mostly from farmers.

**Question 37: Đáp án A**

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Đạo luật về Tiết kiệm ánh sáng ban ngày năm 1973 chịu trách nhiệm

- A. mở rộng Giờ tiết kiệm ánh sáng vì lợi ích của việc bảo tồn năng lượng

B. bảo quản và thiết lập Giờ tiết kiệm ánh sáng trên lục địa

C. thiết lập năm múi giờ tại Hoa Kỳ

D. bảo tồn năng lượng bằng cách trao cho cơ quan Sở Giao thông Vận tải quản lý luật thời gian

Thông tin: During the oil embargo and energy crisis of the 1970s, President Richard Nixon extended DST through the Daylight Saving Time Energy Act of 1973 to conserve energy further.

**Question 38: Đáp án D**

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Câu nào sau đây sẽ là tiêu đề tốt nhất cho đoạn văn này?

A. Lyndon Johnson và Đạo Luật về thống nhất thời gian

B. Lịch sử và lý do của Giờ tiết kiệm ánh sáng

C. Bộ Giao thông vận tải Hoa Kỳ và Giờ tiết kiệm ánh sáng

D. Giờ tiết kiệm ánh sáng tại Hoa Kỳ

**Dịch bài đọc:**

Trong nhiều thế kỷ, thời gian được đo bằng vị trí của mặt trời với việc sử dụng đồng hồ mặt trời. Buổi trưa được nhận biết khi mặt trời ở cao nhất trên bầu trời, và các thành phố sẽ đặt đồng hồ vào thời điểm mặt trời rõ ràng này, mặc dù một số thành phố thường có thời gian khác nhau một chút. Giờ Tiết kiệm Ánh sáng (DST), đôi khi được gọi là thời gian mùa hè, được thiết lập để sử dụng tốt hơn ánh sáng ban ngày. Do đó, đồng hồ được thiết lập chạy nhanh một giờ vào mùa xuân để di chuyển một giờ ánh sáng ban ngày từ buổi sáng đến buổi tối và sau đó đặt quay lại một giờ vào mùa thu để trở về ánh sáng ban ngày bình thường.

Benjamin Franklin lần đầu tiên hình thành ý tưởng tiết kiệm ánh sáng ban ngày trong nhiệm kỳ của mình như một đại biểu người Mỹ ở Paris vào năm 1784 và đã viết về nó rất nhiều trong bài viết của mình, "Một dự án kinh tế". Người ta nói rằng Franklin dậy sớm vào một buổi sáng và ngạc nhiên khi thấy ánh sáng mặt trời tại một giờ như vậy. Luôn luôn là nhà kinh tế học, Franklin tin rằng việc thực hiện việc di chuyển thời gian có thể tiết kiệm được việc sử dụng nến, vì nến rất đắt vào thời đó.

Tại Anh, người thợ xây dựng William Willett (1857-1915) đã trở thành người ủng hộ mạnh mẽ Giờ Tiết kiệm Ánh sáng khi nhận thấy màn cuốn của nhiều ngôi nhà đóng kín vào một buổi sáng nắng sớm. Willet tin rằng tất cả mọi người, kể cả chính mình, sẽ đánh giá cao những giờ ánh sáng vào buổi tối. Năm 1909, Sir Robert Pearce đã giới thiệu một dự luật trong Hạ viện để bắt buộc phải điều chỉnh đồng hồ. Một dự luật đã được soạn thảo và đưa vào Nghị viện nhiều lần nhưng đã gặp phải sự phản đối lớn, chủ yếu từ nông dân. Cuối cùng, vào năm 1925, người ta quyết định rằng thời gian mùa hè nên bắt đầu vào ngày sau ngày thứ 7 thứ ba của tháng 4 và kết thúc sau ngày thứ 7 đầu tiên của tháng 10.

Quốc hội Hoa Kỳ đã thông qua Đạo luật Thời gian Chuẩn năm 1918 để thiết lập thời gian chuẩn và bảo toàn và đặt Giờ Tiết kiệm Ánh sáng trên khắp lục địa. Hành động này cũng đã lập ra năm múi giờ trên khắp Hoa Kỳ: Đông, Trung Bộ, miền núi, Thái Bình Dương và Alaska. Múi thời gian đầu tiên



D. Anh cho rằng công việc của anh không phải đặc biệt hấp dẫn.

Thông tin: "I just can't accept where I am now" he says sincerely. "It doesn't feel real. To me, this is just a job."

**Question 42: Đáp án A**

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Sau khi biểu diễn tại thành phố quê hương của mình, Shayne cảm thấy

- A. choáng ngợp  
B. xấu hổ  
C. thất vọng  
D. nhẹ nhõm

Thông tin: He has already brought the house down at a gig in his home city. "I walked out after that performance and just thought, "I'm dreaming!"

**Question 43: Đáp án C**

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Sau khi bỏ học lúc 16 tuổi, Shayne

- A. bắt đầu một chuyến đi  
B. từ bỏ biểu diễn  
C. nhận một công việc  
D. nộp đơn ở một trường đại học

Thông tin: Although he thought about going to college, he ended up leaving school at sixteen, just to help his mother pay the rent.

**Question 44: Đáp án B**

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Từ "flop" trong đoạn văn gần nhất có ý nghĩa

- A. một người không được ưa chuộng  
B. một người không thành công  
C. một người không tham vọng  
D. một người thiếu nghị lực

"flop" = một người không thành công

**Question 45: Đáp án B**

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Nhà văn gợi ý gì về những người chiến thắng cuộc thi tài năng thực tế?

- A. Họ bị đối xử tồi tệ bởi nhà sản xuất.  
B. Sự nổi tiếng của họ rất ngắn ngủi.  
C. Khán giả không bao giờ thực sự thích họ.  
D. Họ không mong đợi được nổi tiếng.

Thông tin:

- But the previous winner of The X Factor only had one hit. He hasn't been heard of since then.

- A lot of people feel cynical about reality TV show winners and their chances of continuing success.

Audiences usually lose interest in them as soon as the show has finished.

**Dịch bài đọc:**

Đó là một tuần trước khi The X Factor live tour, tôi gặp người chiến thắng, Shayne Ward. "Nó thật điên rồ!", anh nói, đề cập đến sáu tháng qua của cuộc đời anh. "Tôi vừa nói chuyện với Louis Walsh qua điện thoại. Louis Walsh!" Walsh, nhà sản xuất thu âm hàng đầu và là giám khảo của The X Factor, hiện quản lý công việc của Shayne. "Tôi đã nói chuyện với Simon Cowell (một nhà sản xuất thu âm nổi tiếng) hôm qua!" Anh lắc đầu đầy ngạc nhiên. Và những người này đang nói với tôi rằng họ rất vui khi làm việc với tôi. "Tôi thật không thể hiểu được."

Shayne giống như bao ngôi sao nhạc pop khác khi đến đầu trường công chúng. "Tôi không thể chấp nhận nơi tôi đang ở hiện tại" anh nói một cách chân thành. "Điều này cảm giác không thật. Với tôi, đây chỉ là công việc thôi." "Bạn nghĩ thế nào là nổi tiếng?" Tôi hỏi anh ấy. "Nói thật là tôi không chắc chắn. Khác với chuyện này?" Anh cười, với một chút căng thẳng. Kể từ khi chiến thắng The X Factor, thành công của Shayne đã trở nên phi thường. Single đầu tay của anh chỉ mất ba ngày để đạt vị trí số một. Trong chuyến lưu diễn, anh sẽ chơi nhạc cho trung bình khoảng 10.000 khán giả. Anh ấy đã khiến mọi người vỗ tay nhiệt liệt với một buổi biểu diễn tại thành phố quê hương mình. "Tôi đã bước ra ngoài buổi biểu diễn đó và nghĩ, "Tôi đang mơ!""

Shayne là một trong gia đình có 7 con. Đời sống khó khăn, nhưng anh chưa bao giờ ước muốn một thời thơ ấu khác. Mặc dù nghĩ về việc đi học đại học, nhưng cuối cùng anh đã bỏ học ở tuổi mười sáu, để giúp mẹ trả tiền thuê. Anh đã thực hiện chuyến đi thực tế của mình ngay sau đó. Khi anh nói với bạn bè, anh đã thử giọng cho The X Factor, không ai trong số họ thực sự tin anh. "Tôi nghĩ tôi sẽ đến đó vì gia đình tôi muốn thế, nhưng tôi không bao giờ thực sự tin rằng tôi sẽ giành chiến thắng."

Đương nhiên, Ward là một fan hâm mộ của chương trình tài năng truyền hình thực tế. "Họ xuất sắc, bởi vì những người muốn thu âm hợp đồng cố gắng trong nhiều năm và không đến đâu cả. Sau đó các cuộc thi diễn ra, mọi người ngồi ở nhà quyết định liệu họ có thích ca sĩ này hay không. Vì vậy, không chỉ một vài người tại một công ty thu âm quyết định ai sẽ có cơ hội." Nhưng người chiến thắng trước đây của The X Factor chỉ có một cú hit. Không ai nghe về anh ta kể từ đó. Shayne Ward có phải sẽ là một người thất bại trong chương trình tài năng?

Rất nhiều người cảm thấy hoài nghi về những người chiến thắng chương trình truyền hình thực tế và cơ hội tiếp tục thành công của họ. Khán giả thường mất hứng thú với họ ngay khi chương trình kết thúc. Trên thực tế, các thí sinh trong các chương trình như Big Brother đã được cảnh báo nghiêm túc từ các nhà sản xuất trước đó, về cơ bản nói với họ rằng "bạn sẽ không được thích". Dù vậy, chương trình tài năng như X Factor phải cho thí sinh một cương vị là ngôi sao, và một cái gì đó họ có thể nghĩ như là một sự nghiệp, ít nhất vài tháng sau đó.

**Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the sentence that is closest in meaning to each of the following questions.**

**Question 46: Đáp án C**

Kiến thức: Viết lại câu

Giải thích:

Tạm dịch: Sam không thấy khó khăn khi dậy sớm vào buổi sáng.

A. Sam phân vân về việc dậy sớm vào buổi sáng.

- B. Sam không hề do dự về việc dậy sớm vào buổi sáng.
- C. Sam quen với việc dậy sớm vào buổi sáng.
- D. Sam vui mừng khi thức dậy sớm vào buổi sáng.

**Question 47: Đáp án A**

Kiến thức: Viết lại câu

Giải thích:

Tạm dịch: Mọi người đồn rằng Hoàng tử đã bí mật kết hôn với một cô gái bình thường.

- A. Hoàng tử được đồn rằng đã bí mật kết hôn với một cô gái bình thường.
- B. Nó đã được đồn rằng Hoàng tử đã bí mật kết hôn với một cô gái bình thường.
- C. Hoàng tử đã được đồn bí mật kết hôn với một cô gái bình thường.
- D. Hoàng tử đã bí mật kết hôn với một cô gái bình thường, như đã được đồn đại.

**Question 48: Đáp án B**

Kiến thức: Viết lại câu

Giải thích:

Tạm dịch: Không hề có nghi ngờ về việc Martin là ứng cử viên tốt nhất cho công việc.

- A. Martin bằng mọi cách là ứng cử viên tốt nhất cho công việc.
- B. Không có nghi ngờ gì, Martin là ứng cử viên tốt nhất cho công việc.
- C. Có khả năng, Martin là ứng cử viên tốt nhất cho công việc.
- D. Tình cờ, Martin là ứng cử viên tốt nhất cho công việc.

**Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the sentence that best combines each pair of sentences in the following questions.**

**Question 49: Đáp án B**

Kiến thức: Viết lại câu

Giải thích:

Tạm dịch: Steve nói với Mike, "Đừng chạm vào dây điện. Nó có thể gây tử vong. "

- A. Steve khuyên Mike không chạm vào dây điện vì nó có thể gây tử vong
- B. Steve cảnh báo Mike không chạm vào dây vì nó có thể gây tử vong.
- C. Steve khuyên Mike không chạm vào dây điện vì nó có thể gây tử vong.
- D. Steve không cho phép Mike chạm vào dây điện vì nó có thể gây tử vong.

**Question 50: Đáp án B**

Kiến thức: Viết lại câu

Giải thích:

Tạm dịch: Tôi không tiễn Susan ở sân bay. Tôi bây giờ cảm thấy rất tệ vì điều đó.

- A. Tôi có thể đã tiễn Susan ở sân bay.
- B. Ước gì tôi đã tiễn Susan ở sân bay.
- C. Tôi quên mất việc tiễn Susan ở sân bay.
- D. Đột nhiên ý nghĩ loé trong đầu rằng tôi hẳn đã nên tiễn Susan ở sân bay.